

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 322/2025/LĐ-ST

Ngày: 27-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên phó Trưởng
Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành
phố Thuận An;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu- Nguyên trưởng phòng
lao động thương binh và xã hội thành phố Thuận
An.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Thái Vương Triều là Thư ký Tòa án
nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình
Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Trang** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận
An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 200/2025/TLST-LĐ ngày 21 tháng 4
năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng lao động”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 252/2025/QĐXXST-LĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp P, xã Đ,
huyện A, tỉnh An Giang, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường T, khu phố H, phường T, thành phố
T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Vương Thanh T, năm sinh 1984; địa
chỉ: G đường Đ, Tổ C, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là đại
diện theo ủy quyền, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị Mỹ T1, sinh năm 1995; trú tại: Khóm T, thị trấn Ó, huyện T,
tỉnh An Giang, có đơn xin vắng mặt.

Bảo hiểm xã hội thành phố T; địa chỉ: Đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M trình bày:

Năm 2011 bà Nguyễn Thị Trúc M có cho bà Trương Thị Mỹ T1 mượn hồ sơ để bà T1 xin việc tại Công ty TNHH S. Bà T1 làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011 với tên của bà M. Trong khoảng thời gian này, bà M đang làm việc tại một công ty khác. Đến nay do cần rút bảo hiểm 01 lần nhưng khi thực hiện thủ tục rút bảo hiểm thì có sự trùng lặp hồ sơ bảo hiểm nên không thể rút bảo hiểm được. Nhận thấy việc bà Trương Thị Mỹ T1 mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S sai quy định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Thị Trúc M (do bà Trương Thị Mỹ T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH S từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 9 năm 2011 là vô hiệu.

Do bà Nguyễn Thị Trúc M đồng ý cho bà Trương Thị Mỹ T1 sử dụng hồ sơ của mình để làm việc tại Công ty TNHH S dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Quá trình tố tụng bị đơn Công ty TNHH S trình bày: Công ty TNHH S và bà Nguyễn Thị Trúc M có ký hợp đồng lao động ở bộ phận QC. Thời gian bà M làm việc tại công ty thì công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Trúc M đầy đủ từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011 khi bà M đến công ty làm việc thì bà M có cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc gồm: sơ yếu lý lịch, giấy khám sức khỏe, giấy chứng minh nhân dân, đơn xin việc. Như vậy, toàn bộ hồ sơ xin việc đều là tên bà Nguyễn Thị Trúc M. Do đó, hàng tháng công ty đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động đều có tên bà Nguyễn Thị Trúc M mà không phải là bà Trương Thị Mỹ T1. Do bà Trương Thị Mỹ T1 có hành vi lừa dối sử dụng toàn bộ hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với công ty là hành vi trái pháp luật và công ty không thể biết việc làm trái pháp luật của T1. Đến khi tòa án gửi Thông báo thụ lý đơn khởi kiện thì công ty mới biết, tại thời điểm tuyển dụng do nhu cầu tuyển nhiều công nhân lao động phục vụ nhu cầu sản xuất nên công ty không thể biết được người lao động tại công ty là bà Trương Thị Mỹ T1 mà không phải là bà Nguyễn Thị Trúc M. Do đó, công ty thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty không có yêu cầu phản tố, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mỹ T1 trình bày:

Năm 2011 bà Trương Thị Mỹ T1 mượn chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Trúc M để ký hợp đồng với Công ty TNHH S. Trên thực tế bà T1 là người trực tiếp

ký hợp đồng và làm việc tại Công ty. Bà T1 chỉ làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011 thì nghỉ việc. Nay bà M yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Trúc M (do bà Trương Thị Mỹ T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH S từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011 là vô hiệu thì bà T1 đồng ý. Bà T1 không yêu cầu gì đối với thời gian tham gia bảo hiểm này.

Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Khoảng thời gian từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011 **bà Nguyễn Thị Trúc M**, sinh ngày 11/7/1992 **tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S** với mã số bảo hiểm xã hội 7411191659 và từ tháng 8/2011 đến tháng 7/2015 bà Nguyễn Thị Trúc M tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH J với mã số bảo hiểm 7412142528 và mã số bảo hiểm đã được gộp vào mã số bảo hiểm xã hội 7411281962. **Quá trình tham gia bảo hiểm cả 02 Công ty đều có tham gia Bảo hiểm xã hội**, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho Nguyễn Thị Trúc M, sinh ngày 11/7/1992, số căn cước công dân 089192011496, số chứng minh nhân dân 352071227. Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7411191659 chưa được bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương xác nhận chốt sổ cấp tờ rời sổ BHXH.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 127; Điều 131 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Về kiến nghị khắc phục: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Trúc M khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Thị Trúc M (do bà Trương Thị Mỹ T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH S từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 9 năm 2011 là vô hiệu. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH S; trụ sở: Đường T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc M, bị đơn Công ty TNHH S người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1 và Bảo hiểm thành phố T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về nội dung có yêu cầu: Bà Trương Thị Mỹ T1 sử dụng hồ sơ xin việc mang tên bà Nguyễn Thị Trúc M để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011, được công ty tham gia BHXH được thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số: 741119165 cho bà Nguyễn Thị Trúc M, đồng thời tại thời điểm từ tháng 8/2011 đến tháng 7/2015 Công ty TNHH J tham gia bảo hiểm cho bà M theo mã số bảo hiểm 7412142528. Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội cung cấp, có cơ sở xác định: Việc bà T1 sử dụng thông tin hồ sơ xin việc của bà M để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là không đúng chủ thể xác lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Căn cứ Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị Trúc M và Công ty TNHH S từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011 là có cơ sở chấp nhận. Do hợp đồng lao động vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[4.1] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, từ chối nhận các quyền lợi có liên quan đến việc tham gia BHXH tại Công ty TNHH S. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Bị đơn thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có yêu cầu phản tố. Trường hợp có phát sinh tranh chấp liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng lao động vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Trúc M về việc “tranh chấp hợp đồng lao động” đối với Công ty TNHH S.

2. Tuyên hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Trúc M (do bà *Trương Thị Mỹ T1 ký kết*) với Công ty TNHH S (thời gian làm việc từ tháng 6/2011 đến tháng 9/2011) vô hiệu. Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị Trúc M theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Trúc M tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001179 ngày 15/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Võ Thị Thu Thảo